Nguyễn Văn Quyền
Nguyễn Văn Quân
Uyển Uyển

Họ và tên :.....

Trường :.....

Năm học: 20..... - 20.....

ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 3

HỌC KÌ 1

Biên soạn theo chương trình
SÁCH GIÁO KHOA MỚI

KN

Quét mã QR để xem đáp án
Có VIDEO bài giảng chi tiết

Qbooks

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời nói đầu

"**Đề kiểm tra Toán 3 - Học kì 1 (KN)**" là cuốn sách được biên soạn theo chương trình **sách giáo khoa mới**. Cuốn sách gồm **20** đề ôn tập, trong đó có **5 đề ôn tập kiểm tra giữa kì 1** và **15 đề ôn tập kiểm tra cuối kì 1**. Phần đáp án đã được lược bỏ và thay vào đó là các mã **QR**, dễ dàng và thuận tiện trong việc tra cứu đáp án.

Hướng dẫn quét mã QR để truy cập đáp án tham khảo:

Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi những sơ suất, các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh để cuốn sách hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tiếp theo.

Xin chân thành cám ơn!

Các tác giả

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

1. Số và phép tính:

- Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1 000.
- Bảng nhân 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Bảng chia 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
- Tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia.
- Một phần mấy.

2. Hình học:

- Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. Hình tròn, tâm, bán kính, đường kính hình tròn.
- Góc, góc vuông, góc không vuông. Hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông.
- Khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

3. Đo lường:

- Lít, ki-lô-gam. Ki-lô-mét, mét, đề-xi-mét, xăng-ti-mét.
- Tháng, ngày, giờ, phút.

4. Bài toán có lời văn:

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1

1. Số và phép tính:

- Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1 000.
- Phép chia hết, phép chia có dư.
- Phép nhân, phép chia trong phạm vi 1 000.
- Tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia. Một phần mấy.
- Biểu thức số và tính giá trị của biểu thức số.
- Gấp một số lên một số lần và giảm một số đi một số lần. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé.

2. Hình học:

- Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. Hình tròn: tâm, bán kính, đường kính hình tròn.
- Góc, góc vuông, góc không vuông. Hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông.
- Khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

3. Đo lường:

- Lít, mi-li-lít. Ki-lô-gam, gam.
- Ki-lô-mét, mét, đề-xi-mét, xăng-ti-mét, mi-li-mét.
- Tháng, ngày, giờ, phút.

4. Bài toán giải bằng hai bước tính:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 1

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của **6** và **4** là: **(0,5 điểm)**

A. 24 **B.** 10 **C.** 20 **D.** 28

Câu 2 Biết hiệu là **245**, số trừ là **162**, số bị trừ là: **(0,5 điểm)**

A. 83 **B.** 307 **C.** 407 **D.** 183

Câu 3 Cho dãy số: **3, 6, 9, 12, ..., ..., ..., ..., 27, 30**. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là: **(0,5 điểm)**

A. 13, 14, 15, 16 **B.** 23, 24, 25, 26 **C.** 14, 16, 18, 20 **D.** 15, 18, 21, 24

Câu 4 Nhà của Sâu, Kiến và Ốc Sên nằm trên ba điểm **A, B, C** (*như bức tranh*). Đoạn thẳng **AC** dài 16 cm và **B** là trung điểm của đoạn thẳng **AC**. Vậy khoảng cách từ nhà Kiến đến nhà Sâu là: **(0,5 điểm)**

A. 6 cm **B.** 7 cm

C. 8 cm **D.** 9 cm

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 6 **B.** 7

C. 8 **D.** 9

$$\boxed{?} \times \boxed{9} = \boxed{76} + \boxed{24} - \boxed{19}$$

Câu 6 Bố An xây một cái bể cá hình chữ nhật (*như bức tranh*) và trồng hoa súng trong đó. Mỗi lá súng có dạng hình tròn đường kính 3 dm. Vậy chiều dài của bể cá là: **(0,5 điểm)**

A. 3 × 10 = 30 (dm)

B. 10 × 3 = 30 (dm)

C. 9 × 3 = 27 (dm)

D. 3 × 3 = 9 (dm)

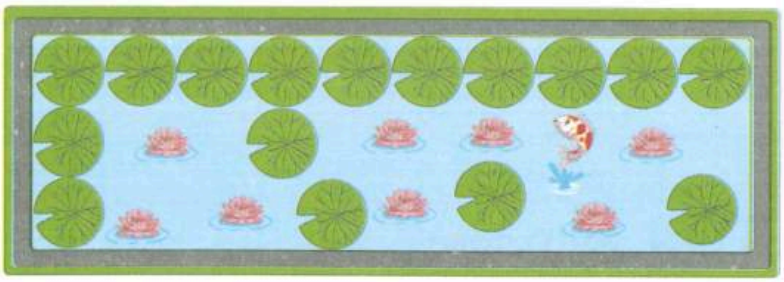

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. **(1 điểm)**

7 × 8 = ☐ 8 × 6 = ☐ 72 : 8 = ☐ 36 : 6 = ☐

3 × 9 = ☐ 9 × 4 = ☐ 42 : 7 = ☐ 63 : 9 = ☐

Bài 2 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

727 + 29 431 − 180

Bài 3 Số? **(1 điểm)**

6 × ☐ = 54 ☐ + 169 = 582

27 : ☐ = 9 605 − ☐ = 461

Bài 4 Viết phép tính thích hợp. **(1 điểm)**

Hình tròn tâm O có đường kính bằng 7 dm. Vậy độ dài của đường gấp khúc ABCD là:

☐ ☐ ☐ = ☐ (dm)

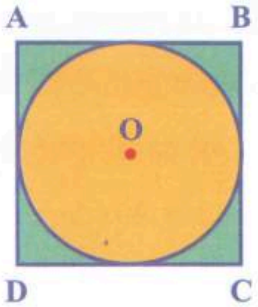

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

$\frac{1}{2}$ số quả na là ☐ quả na.

$\frac{1}{5}$ số quả na là ☐ quả na.

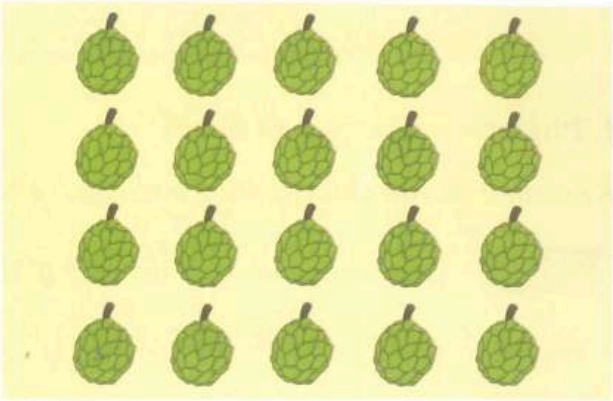

Bài 6 Gia đình An có 8 người. Sau mỗi bữa cơm, mẹ An thường bổ cam để cả nhà ăn tráng miệng. Mỗi thành viên trong gia đình ăn 3 miếng cam.

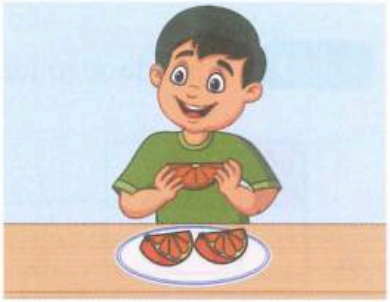

a. Hỏi sau mỗi bữa cơm, gia đình An ăn hết bao nhiêu miếng cam? **(1 điểm)**

Bài giải

b. Hôm nay An giúp mẹ bổ cam. An lấy 6 quả cam trong tủ lạnh ra và cắt thành các miếng nhỏ. Hỏi để đủ số miếng cam cho cả gia đình, An nên cắt mỗi quả cam thành mấy miếng? **(1 điểm)**

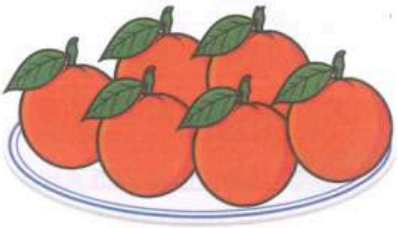

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 2

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Thương của **64** và **8** là: **(0,5 điểm)**

A. 58 **B.** 72 **C.** 8 **D.** 7

Câu 2 Biết thừa số thứ nhất là **6**, tích là **42**, thừa số thứ hai là: **(0,5 điểm)**

A. 7 **B.** 8 **C.** 6 **D.** 9

Câu 3 Hình được tô màu $\frac{1}{5}$ hình là: **(0,5 điểm)**

A. 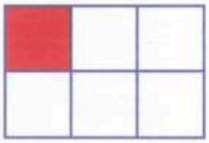 **B.** **C.** **D.**

Câu 4 Cho dãy số: **60, 54, 48, 42, ..., ..., ..., ..., 12, 6**. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là: **(0,5 điểm)**

A. 40, 35, 30, 25 **B.** 36, 30, 24, 18 **C.** 35, 28, 21, 14 **D.** 34, 26, 18, 14

Câu 5 Hình vuông có cạnh dài 12 cm (*như hình vẽ*). Độ dài bán kính của hình tròn là: **(0,5 điểm)**

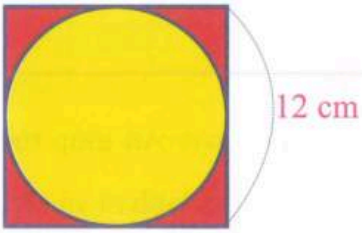

A. 8 cm **B.** 7 cm

C. 6 cm **D.** 5 cm

Câu 6 Lớp học của An có dạng hình chữ nhật. An đếm được có 9 viên gạch men xếp theo chiều rộng của lớp học. Mỗi viên gạch men có dạng hình vuông cạnh dài 6 dm. Vậy chiều rộng lớp học của An là: **(0,5 điểm)**

A. 9 × 6 = 54 (dm)

B. 6 + 9 = 15 (dm)

C. 6 × 9 = 54 (dm)

D. 6 × 6 = 36 (dm)

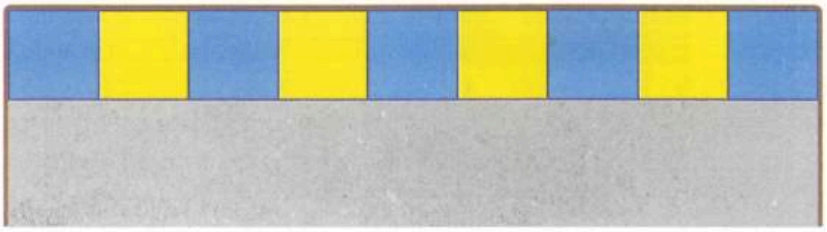

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. **(1 điểm)**

4 × 9 = ☐ 7 × 3 = ☐ 56 : 8 = ☐ 16 : 4 = ☐

6 × 8 = ☐ 8 × 4 = ☐ 27 : 3 = ☐ 49 : 7 = ☐

Bài 2 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

128 + 549 850 − 626

Bài 3 Số? **(1 điểm)**

4 × ☐ = 36 ☐ − 158 = 670

☐ : 8 = 3 582 − ☐ = 267

Bài 4 Viết phép tính thích hợp. **(1 điểm)**

ABEG và BCDE là hai hình vuông có cạnh dài 8 cm (*như hình vẽ*).

Độ dài của đường gấp khúc ABEDC là:

☐ ☐ ☐ = ☐ (cm)

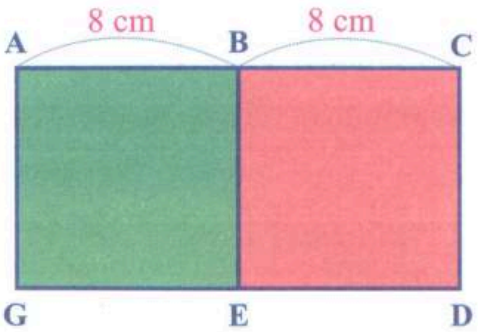

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

$\frac{1}{3}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

$\frac{1}{8}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

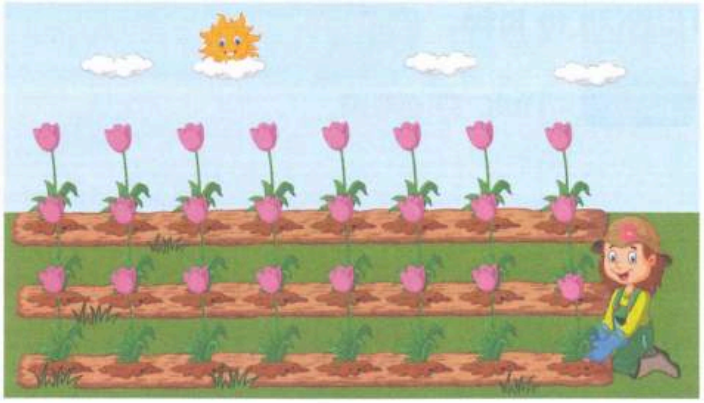

Bài 6 Vì xem ti vi nhiều nên mắt của An bị yếu. Mẹ đưa An đi khám. Sau khi thăm khám, bác sĩ đưa cho An một hộp thuốc bổ mắt có 40 viên thuốc trong đó và dặn An: mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 4 viên thuốc.

a. Hỏi mỗi ngày An cần uống bao nhiêu viên thuốc? **(1 điểm)**

Bài giải

b. Bác sĩ còn dặn thêm: sau khi uống hết thuốc, mẹ cần đưa An đi khám lại. Hỏi mẹ sẽ đưa An đi khám lại sau bao nhiêu ngày? **(1 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 3

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính **9 *l*** × **6** là:

A. 54 **B.** 54 *l* **C.** 15 *l* **D.** 45 *l*

Câu 2 Biết hiệu là **78**, số bị trừ là **419**, số trừ là: **(0,5 điểm)**

A. 487 **B.** 441 **C.** 341 **D.** 497

Bài 3 Hình có nhiều góc vuông nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 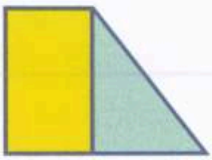 **B.** 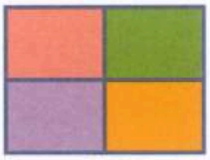 **C.** 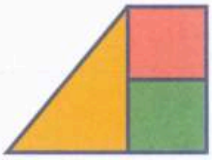 **D.**

Câu 4 Cho dãy số: **8, 16, 24, 32, ..., ..., ..., ..., 72, 80**. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là: **(0,5 điểm)**

A. 36, 40, 44, 48 **B.** 34, 36, 38, 40 **C.** 40, 48, 56, 64 **D.** 36, 45, 54, 63

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 0 **B.** 80

C. 72 **D.** 56

? : **8** = **180** − **145** − **35**

Câu 6 Tết này, An muốn biếu ông bà 2 cặp bánh chưng. An cần một chiếc hộp dạng khối lập phương để đựng bánh. Trong một cửa hàng, An tìm được bốn loại hộp có cạnh dài lần lượt là: 12 cm, 16 cm, 24 cm, 28 cm. Theo em, An nên mua chiếc hộp cạnh dài bao nhiêu xăng-ti-mét, biết mỗi chiếc bánh chưng dày 6 cm (*như bức tranh*) ? **(0,5 điểm)**

A. 12 cm **B.** 16 cm

C. 24 cm **D.** 28 cm

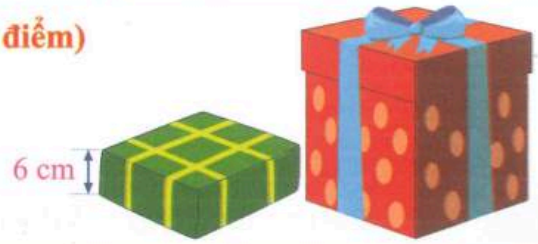

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. **(1 điểm)**

4 × 3 = ☐ 4 × 7 = ☐ 45 : 9 = ☐ 64 : 8 = ☐

6 × 2 = ☐ 8 × 9 = ☐ 21 : 7 = ☐ 24 : 4 = ☐

Bài 2 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

145 + 538 928 − 476

Bài 3 Số? **(1 điểm)**

9 × ☐ = 81 ☐ + 52 = 725

☐ : 6 = 7 578 − ☐ = 329

Bài 4 Nối các phép tính có kết quả bằng nhau với nhau. **(1 điểm)**

3 × 8	72 : 9	45 : 9	0 : 3
4 × 2	35 : 7	4 × 6	9 × 0

Bài 5 Viết phép tính thích hợp. **(1 điểm)**

Độ dài của đường gấp khúc ABCDE là:

☐ ☐ ☐ = ☐ (m)

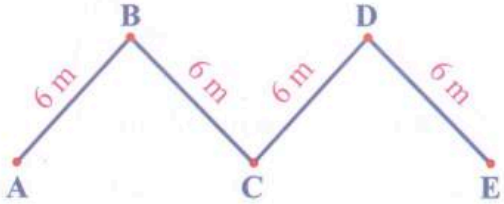

Bài 6 Số? **(1 điểm)**

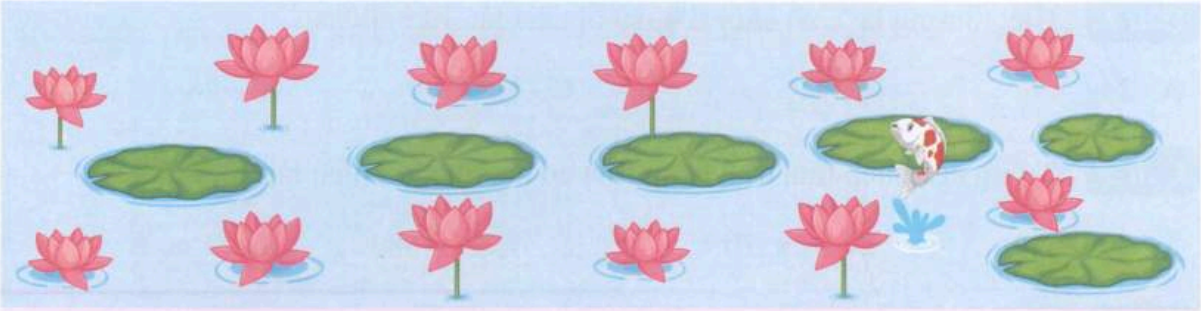

$\frac{1}{3}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

$\frac{1}{6}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

Bài 7 Hôm nay cô Hoa sẽ phát phần thưởng cho các bạn đạt danh hiệu học sinh giỏi của lớp 3A. Mỗi bạn sẽ được tặng thưởng 8 quyển vở. Bình đếm được trên bàn cô giáo có 80 quyển vở. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu học sinh giỏi? **(1 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 4

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của **6** và **8** là: **(0,5 điểm)**

A. 42 **B.** 48 **C.** 54 **D.** 63

Câu 2 Biết thương là **7**, số chia là **4**, số bị chia là: **(0,5 điểm)**

A. 24 **B.** 21 **C.** 11 **D.** 28

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 29 + 37 **B.** 9 × 10 **C.** 755 − 685 **D.** 7 × 8

Câu 4 Bán kính của hình tròn (*như hình vẽ*) là 9 dm.

Độ dài cạnh của hình vuông là: **(0,5 điểm)**

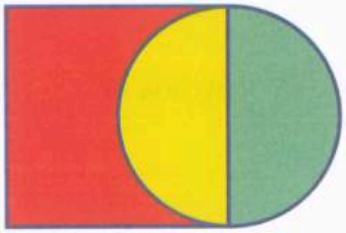

A. 9 dm **B.** 12 dm

C. 18 dm **D.** 27 dm

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 90 **B.** 80

C. 70 **D.** 60

8 × 8 = 108 + 46 − ?

Câu 6 Các ngôi nhà trong khu phố nơi Hà và An được xây sát nhau. Mỗi ngôi nhà rộng 4 m (*như bức tranh*). Nhà Hà cách nhà An 9 ngôi nhà. Vậy khoảng cách từ nhà Hà đến nhà An là: **(0,5 điểm)**

A. 13 m

B. 18 m

C. 27 m

D. 36 m

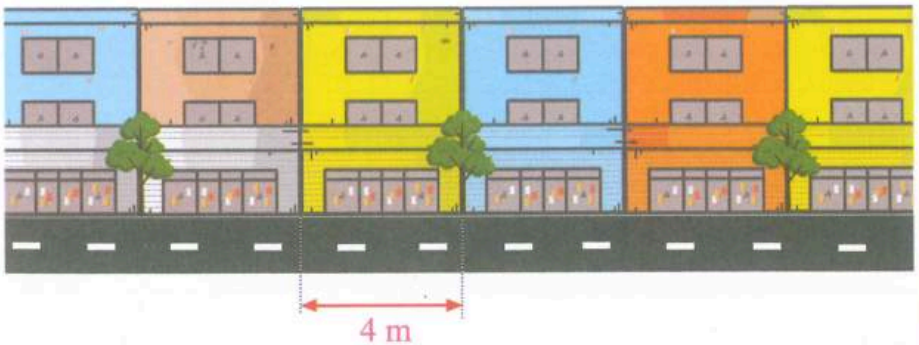

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. **(1 điểm)**

3 × 7 = ☐ 9 × 3 = ☐ 72 : 9 = ☐ 18 : 3 = ☐

8 × 7 = ☐ 6 × 6 = ☐ 40 : 4 = ☐ 63 : 7 = ☐

Bài 2 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

762 + 28 546 − 371

Bài 3 Số? **(1 điểm)**

☐ × 7 = 49 ☐ − 108 = 765

48 : ☐ = 6 508 + ☐ = 924

Bài 4 Viết phép tính thích hợp. **(1 điểm)**

Con kiến bò từ đỉnh A qua các đỉnh B, C của chiếc hộp dạng hình lập phương (*như bức tranh*) để đến chỗ hạt đậu ở đỉnh D.

Quãng đường con kiến bò dài là:

☐ ☐ ☐ = ☐ (dm)

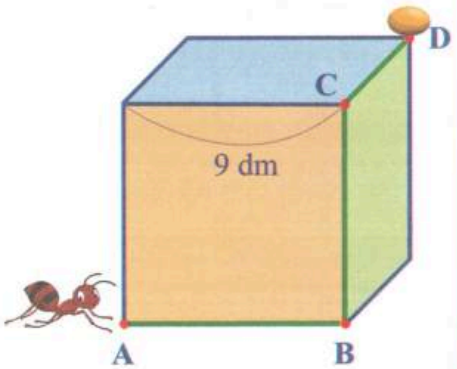

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

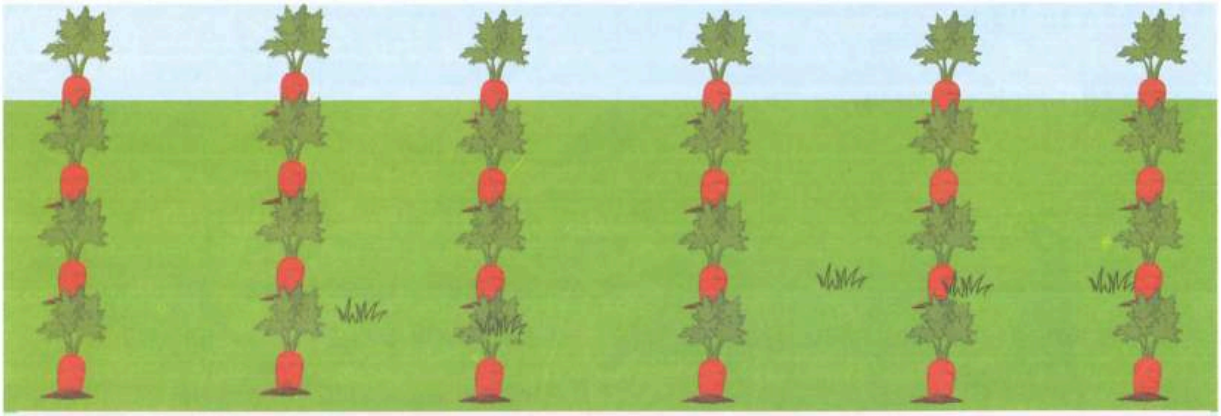

$\frac{1}{6}$ số củ cà rốt là ☐ củ cà rốt.

$\frac{1}{4}$ số củ cà rốt là ☐ củ cà rốt.

Bài 6 Chiều nay, hai chị em An và Bình giúp bố trồng 6 cây ổi. Hai chị em mất 5 phút để trồng xong một cây ổi.

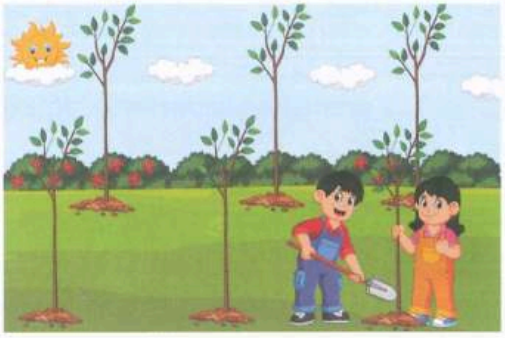

a. Hỏi An và Bình trồng hết số cây ổi đó trong bao nhiêu phút? **(1 điểm)**

Bài giải

b. Khi bắt đầu trồng cây, An thấy đồng hồ chỉ thời gian *như hình bên*. Hỏi An và Bình trồng xong hết số cây ổi lúc mấy giờ? **(1 điểm)**

Trả lời:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 5

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm **3** trăm và **7** đơn vị viết là: **(0,5 điểm)**

A. 307 **B.** 370 **C.** 730 **D.** 703

Câu 2 Thương của **24** và **3** là: **(0,5 điểm)**

A. 21 **B.** 8 **C.** 7 **D.** 27

Câu 3 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

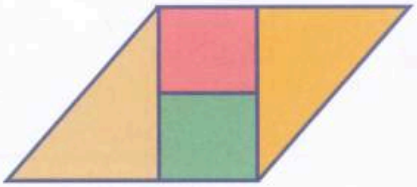

A. 4 hình tứ giác **B.** 5 hình tứ giác

C. 6 hình tứ giác **D.** 7 hình tứ giác

Câu 4 Hôm nay là thứ Tư, ngày 15 tháng 3. Vậy thứ Năm tuần trước là ngày mấy tháng 3? **(0,5 điểm)**

A. Ngày 6 **B.** Ngày 7 **C.** Ngày 8 **D.** Ngày 9

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 7 **B.** 8

C. 9 **D.** 10

$$\boxed{8} \times \boxed{?} = \boxed{380} - \boxed{332} + \boxed{24}$$

Câu 6 An giúp bố đi mua dây đèn nháy để trang trí bức tranh có dạng hình vuông cạnh dài 6 dm (*như bức tranh*). Cô bán hàng đưa cho An xem bốn sợi dây đèn có độ dài lần lượt là: 24 dm, 32 dm, 40 dm và 48 dm. Theo em, để vừa với bức tranh, An nên chọn dây đèn nháy dài bao nhiêu đề-xi mét? **(0,5 điểm)**

A. 12 dm **B.** 18 dm **C.** 24 dm **D.** 30 dm

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 **Đ ; S** ? **(1 điểm)**

☐ **a.** 1 km = 1 000 m.

☐ **b.** Các mặt của khối hộp chữ nhật đều là hình vuông.

☐ **c.** Tích của 0 và bất kì số nào cũng là 0.

☐ **d.** Ba điểm A, B, C thẳng hàng; AB = BC nên B là trung điểm của đoạn thẳng AC.

Bài 2 Tính. **(1 điểm)**

3 × 5 = ☐ 4 × 4 = ☐ 54 : 9 = ☐ 12 : 4 = ☐

9 × 7 = ☐ 6 × 6 = ☐ 40 : 8 = ☐ 36 : 6 = ☐

Bài 3 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

162 + 275 884 − 567

Bài 4 Số? **(1 điểm)**

☐ × 7 = 35 ☐ − 278 = 61

28 : ☐ = 4 254 + ☐ = 729

Bài 5 Viết phép tính thích hợp. **(1 điểm)**

Hình tròn tâm O có bán kính là 6 dm (*như hình vẽ*).

Độ dài của đường gấp khúc HOBC là:

☐ ☐ ☐ = ☐ (dm)

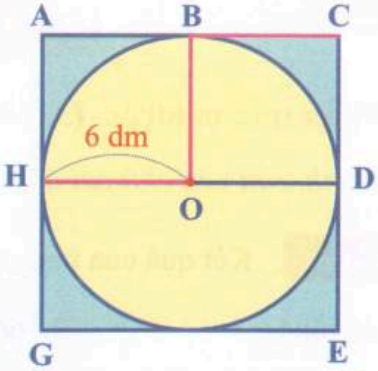

Bài 6 Số? **(1 điểm)**

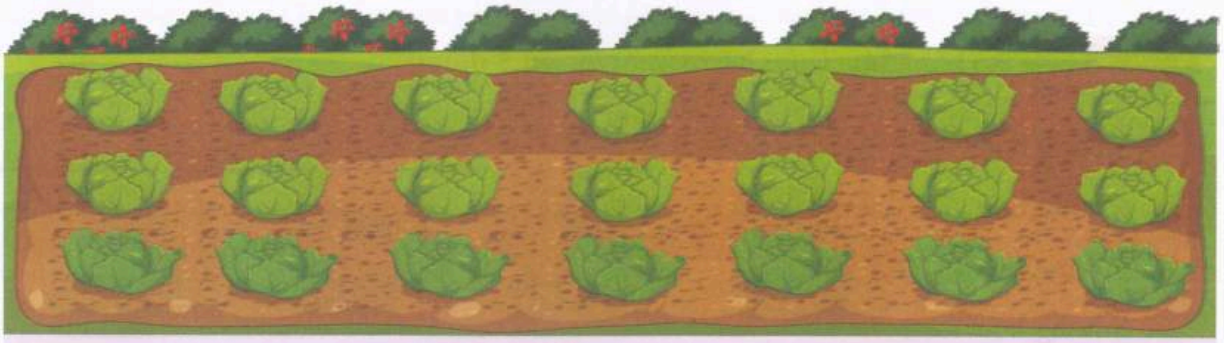

$\frac{1}{3}$ số cây bắp cải là ☐ cây bắp cải. $\frac{1}{7}$ số cây bắp cải là ☐ cây bắp cải.

Bài 7 Hằng ngày, cô Ba lái đò chở các bạn nhỏ qua sông đi học. Sáng nay cô Ba chở 6 chuyến đò, mỗi chuyến chở 4 bạn nhỏ. Hỏi sáng nay cô Ba chở bao nhiêu bạn nhỏ qua sông?

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 1

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính **114 × 6** là: **(0,5 điểm)**

A. 684 B. 664 C. 646 D. 466

Câu 2 Số dư của phép chia **328 : 5** là: **(0,5 điểm)**

A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 3 $\frac{1}{4}$ số bông hoa (*như bức tranh*) là: **(0,5 điểm)**

A. 5 bông hoa

B. 6 bông hoa

C. 7 bông hoa

D. 8 bông hoa

Câu 4 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị nhỏ nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 110 × (9 − 2) B. 106 × 4 + 3 C. (320 − 50) × 2 D. 532 − 8 : 2

Câu 5 Hôm nay An bị ốm. Mẹ dùng nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể An thì phát hiện An bị sốt cao. Nhiệt độ cơ thể An lúc này khoảng: **(0,5 điểm)**

A. 25 °C B. 37 °C C. 15 °C D. 39 °C

Câu 6 Một đoàn khách du lịch có 26 người muốn thuê xe ô tô để di chuyển trong thành phố. Mỗi xe ô tô chở 5 người gồm cả người tài xế. Vậy số xe ô tô đoàn khách đó cần thuê là: **(0,5 điểm)**

A. 4 xe ô tô B. 5 xe ô tô C. 6 xe ô tô D. 7 xe ô tô

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(2 điểm)**

81 × 4	225 × 3	765 : 6	528 : 8

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

9 × ☐ = 945

☐ + 52 = 725

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

262 − 7 × 3 = ☐

= ☐

848 : (8 − 4) = ☐

= ☐

Bài 4 Viết biểu thức thích hợp để: **(1 điểm)**

a. Tính cân nặng của quả xoài. **(0,5 điểm)**

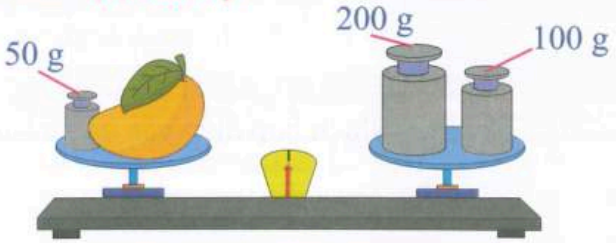

Cân nặng của quả xoài là:

☐ ○ ☐ ○ ☐ = ☐ (g)

b. Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE. **(0,5 điểm)**

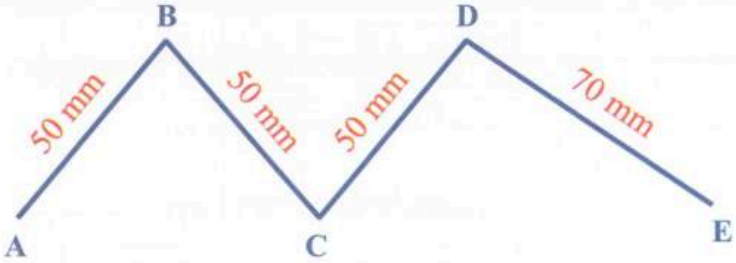

Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

☐ ○ ☐ ○ ☐ = ☐ (mm)

Bài 5 Nhà Mai có 15 chuồng thỏ, mỗi chuồng thỏ có 6 con thỏ. Sáng hôm nay, mẹ bán đi 12 con thỏ. Hỏi nhà Mai còn lại bao nhiêu con thỏ? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 6 Chọn dấu " +, −, ×, : " thích hợp điền vào chỗ trống. **(1 điểm)**

12 ☐ 7 ☐ 2 = 26

72 ☐ (6 ☐ 2) = 24

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 2

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Gấp **218** lên **3** lần được: **(0,5 điểm)**

A. 654 **B.** 221 **C.** 634 **D.** 364

Câu 2 Giảm **216** đi **8** lần được: **(0,5 điểm)**

A. 208 **B.** 27 **C.** 30 **D.** 224

Câu 3 $\frac{1}{3}$ số quả táo (*như bức tranh*) là: **(0,5 điểm)**

A. 3 quả táo

B. 4 quả táo

C. 6 quả táo

D. 8 quả táo

Câu 4 Giá trị của biểu thức **104 − 8 : 4 × 2** là: **(0,5 điểm)**

A. 12 **B.** 103 **C.** 100 **D.** 51

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 45 **B.** 55

C. 65 **D.** 75

25 × **6** = **820** : **4** − **?**

Câu 6 Bác Năm có một mảnh vườn hình vuông cạnh 15 m. Bác dự định dùng lưới để rào mảnh vườn và có để cửa vào 2 m (*như bức tranh*). Hỏi bác Năm cần chuẩn bị bao nhiêu mét lưới? **(0,5 điểm)**

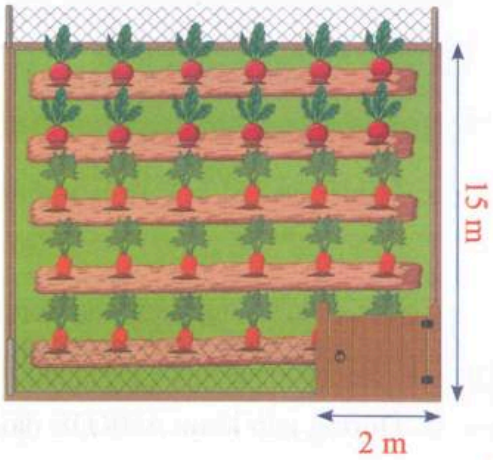

A. 58 m lưới **B.** 38 m lưới

C. 60 m lưới **D.** 30 m lưới

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

317 × 3	472 : 4

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

3 × ☐ = 738

☐ − 541 = 185

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

54 − 9 : 3 = ☐

105 : (7 − 2) = ☐

Bài 4 Điền vào chỗ trống. **(1 điểm)**

a. Hình bên có ☐ góc vuông đỉnh K.

b. ☐ là trung điểm của đoạn thẳng ID.

c. Đường gấp khúc ABKDE dài ☐ mm.

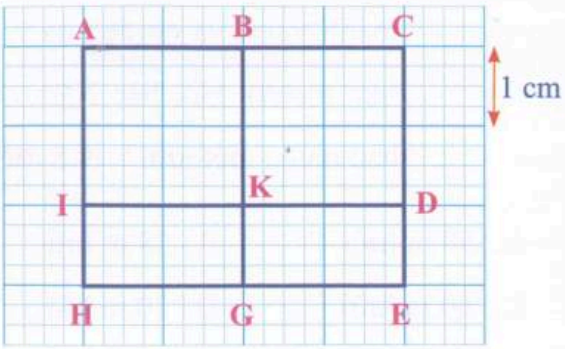

Bài 5 > ; < ; = ? **(1 điểm)**

545 ml − 285 ml + 740 ml ☐ 1 *l* 1 dm ☐ 500 mm − 440 mm : 2

Bài 6 Mẹ Hoa đi chợ mua hai túi đường. Túi đường nhỏ cân nặng 250 g, túi đường to cân nặng gấp 3 lần túi nhỏ. Hỏi mẹ Hoa đã mua tất cả bao nhiêu gam đường? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 7 Nhà trường có kế hoạch thay toàn bộ số bàn học cũ của lớp 3A bằng những chiếc bàn mới loại 2 chỗ ngồi (mỗi bàn có 1 hoặc 2 bạn ngồi). Lớp 3A có 33 học sinh. Hỏi để đủ chỗ ngồi số học sinh đó, nhà trường cần cấp cho lớp 3A ít nhất bao nhiêu cái bàn? **(1 điểm)**

Trả lời:

Nhà trường cần cấp cho lớp 3A ít nhất ☐ cái bàn.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 3

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Gấp **109** lên **7** lần được: **(0,5 điểm)**

A. 763 **B.** 116 **C.** 102 **D.** 703

Câu 2 Giá trị của biểu thức **308 + 84 : 7** là: **(0,5 điểm)**

A. 56 **B.** 320 **C.** 326 **D.** 54

Câu 3 Hình ảnh nào dưới đây biểu thị Hà đã ăn $\frac{1}{4}$ cái bánh? **(0,5 điểm)**

A. 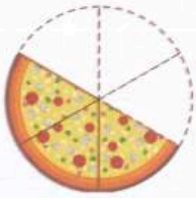

B. 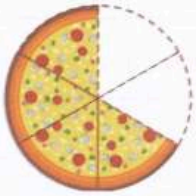

C. 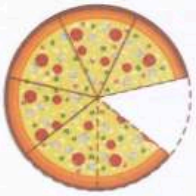

D.

Câu 4 Số? **(0,5 điểm)**

A. 46 **B.** 47

C. 250 **D.** 270

840 − **150** : **5** = **?** × **3**

Câu 5 Trong giờ thể dục, các bạn học sinh lớp 3D xếp thành 4 hàng đều nhau, mỗi hàng có 9 bạn. Vậy số học sinh lớp 3D có là: **(0,5 điểm)**

A. 9 × 4 = 36 (học sinh) **B.** 9 + 4 = 13 (học sinh)

C. 4 × 9 = 36 (học sinh) **D.** 9 − 4 = 5 (học sinh)

Câu 6 Hà giúp mẹ dán hoa giấy lên 12 hộp quà có dạng khối lập phương. Mỗi mặt của hộp quà Hà dán một bông hoa giấy. Hỏi Hà cần chuẩn bị bao nhiêu bông hoa giấy để đủ dán cho số hộp quà đó? **(0,5 điểm)**

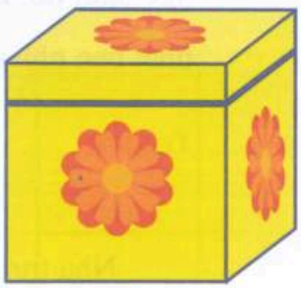

A. 12 bông hoa **B.** 18 bông hoa **C.** 72 bông hoa **D.** 96 bông hoa

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(2 điểm)**

68 × 5	108 × 3	625 : 5	799 : 7

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

4 × ☐ = 96

☐ − 236 = 370

☐ : 7 = 30

82 + ☐ = 463

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

70 : 5 × 8 = ☐

208 − 38 × 4 = ☐

Bài 4 Viết biểu thức thích hợp. **(1 điểm)**

a. Tính độ dài đường gấp khúc ABCD. **(0,5 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc ABCD là: ☐ (mm)

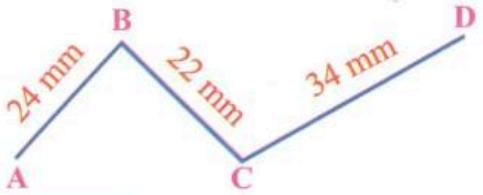

b. Tính cân nặng của quả mướp. **(0,5 điểm)**

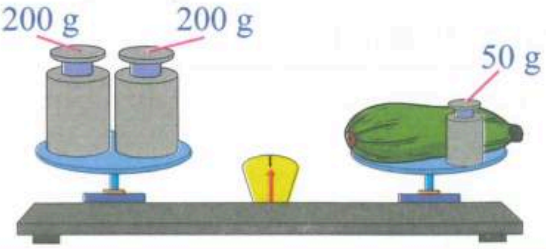

Cân nặng của quả mướp là:

(g)

Bài 5 Hôm qua cô Ba chưng cất được 420 ml tinh dầu bạc hà. Hôm nay lượng tinh dầu bạc hà cô Ba chưng cất được nhiều hơn hôm qua 80 ml. Hỏi cả hai ngày cô Ba chưng cất được bao nhiêu mi-li-lít tinh dầu bạc hà? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 6 Tìm chữ số thích hợp. **(1 điểm)**

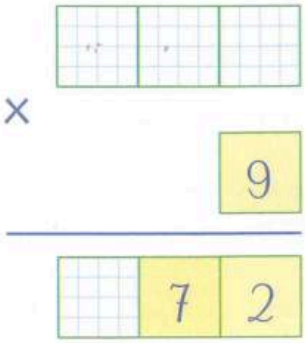

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 4

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính **72 ml × 4** là: **(0,5 điểm)**

A. 76 ml B. 288 ml C. 288 D. 268 ml

Câu 2 Thương là **3**, số bị chia là **315**, số chia là: **(0,5 điểm)**

A. 310 B. 945 C. 105 D. 318

Câu 3 $\frac{1}{8}$ số quả cà chua (*như bức tranh*) là: **(0,5 điểm)**

A. 3 quả cà chua

B. 4 quả cà chua

C. 5 quả cà chua

D. 6 quả cà chua

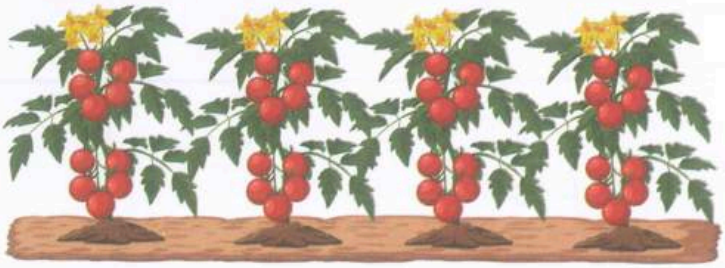

Câu 4 Số lớn gấp 2 lần số bé và số lớn hơn số bé 5 đơn vị. Số lớn và số bé lần lượt là: **(0,5 điểm)**

A. 14 và 7 B. 8 và 2 C. 12 và 6 D. 10 và 5

Câu 5 Giá trị của biểu thức **40 − 12 : 4 + 6** là: **(0,5 điểm)**

A. 13 B. 43 C. 31 D. 51

Câu 6 An mua một chiếc bánh có dạng hình tròn, bán kính bằng 120 mm. Chiếc bánh được đặt vừa vặn trong một chiếc hộp có dạng hình vuông (*như bức tranh*). Độ dài các cạnh của chiếc hộp đó là: **(0,5 điểm)**

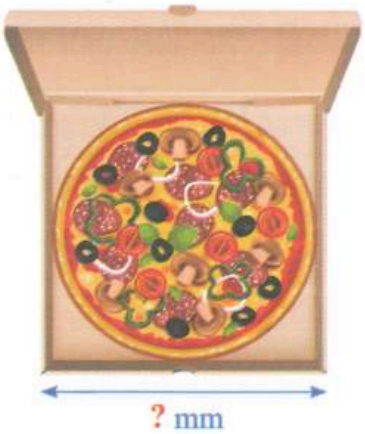

A. 240 mm B. 220 mm

C. 200 mm D. 180 mm

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

113 × 7

378 : 6

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

8 × ☐ = 48

☐ + 236 = 809

☐ : 7 = 102

565 − ☐ = 128

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

720 : (12 − 8) = ☐

125 + 45 : 5 = ☐

Bài 4 Viết biểu thức thích hợp. **(1 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc GABED là:

☐ ○ ☐ ○ ☐ = ☐ (m)

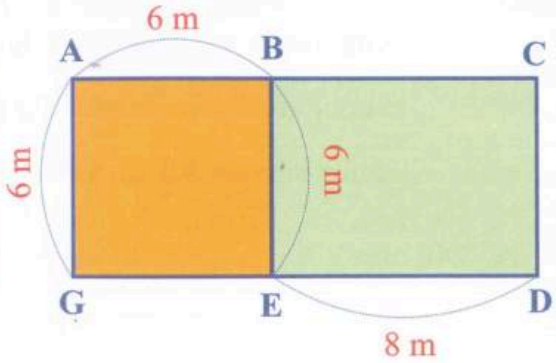

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

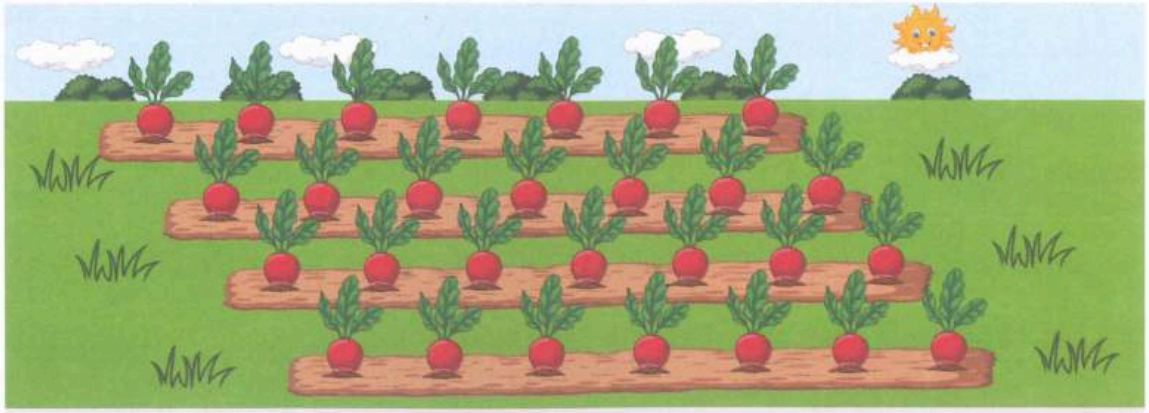

$\frac{1}{2}$ số củ cải là ☐ củ cải.

$\frac{1}{7}$ số củ cải là ☐ củ cải.

Bài 6 > ; < ; = ? **(1 điểm)**

250 ☐ 440 : 4 + 150

8 kg : 8 ☐ 160 g × 6

Bài 7 Đội tình nguyện của anh Huy được giao nhiệm vụ phát 6 bao gạo cho 5 gia đình bị ngập sâu trong nước lũ, mỗi bao có 25 kg gạo. Hỏi mỗi gia đình nhận được bao nhiêu ki-lô-gam gạo? Biết số gạo các gia gia đình nhận được bằng nhau. **(1 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 5

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Giảm **688** đi **8** lần được: **(0,5 điểm)**

A. 86 B. 680 C. 80 D. 76

Câu 2 Số dư của phép chia **737 : 6** là: **(0,5 điểm)**

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 3 Giá trị của biểu thức **712 − 32 : 4** là: **(0,5 điểm)**

A. 170 B. 704 C. 714 D. 150

Câu 4 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

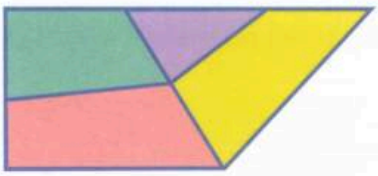

A. 4 hình tứ giác B. 5 hình tứ giác

C. 6 hình tứ giác D. 7 hình tứ giác

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 40 B. 5

C. 30 D. 15

$$\boxed{?} + \boxed{50} \times \boxed{8} = \boxed{88} \times \boxed{5}$$

Câu 6 Sáng nay, An giúp mẹ xếp đều 54 chiếc bánh mẹ làm vào 9 hộp để kịp giao cho khách. Đến chiều, mẹ làm thêm 42 chiếc bánh và nhờ An đi mua hộp để đựng hết số bánh đó. Hỏi An cần mua bao nhiêu cái hộp? **(0,5 điểm)**

A. 6 cái hộp B. 7 cái hộp

C. 8 cái hộp D. 9 cái hộp

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(2 điểm)**

49 × 6	218 × 4	327 : 3	845 : 8

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

9 × ☐ = 81

☐ − 152 = 318

☐ : 5 = 82

826 − ☐ = 352

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

(292 − 24) : 4 = ☐

450 : 9 × 6 = ☐

Bài 4 Điền vào chỗ trống. **(1 điểm)**

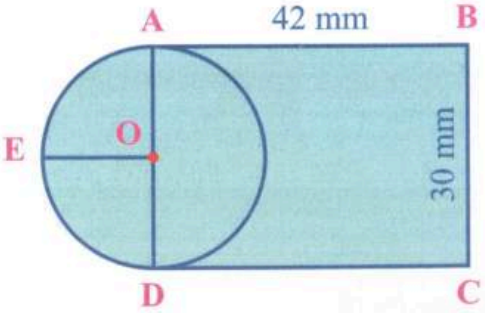

a. Hình vẽ bên có ☐ góc vuông.

b. Trung điểm của đoạn thẳng AD là điểm ☐.

c. Hình tròn tâm O có bán kính là ☐ mm.

d. Độ dài của đường gấp khúc EOAB là: ☐ + ☐ + ☐ = ☐ (mm)

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

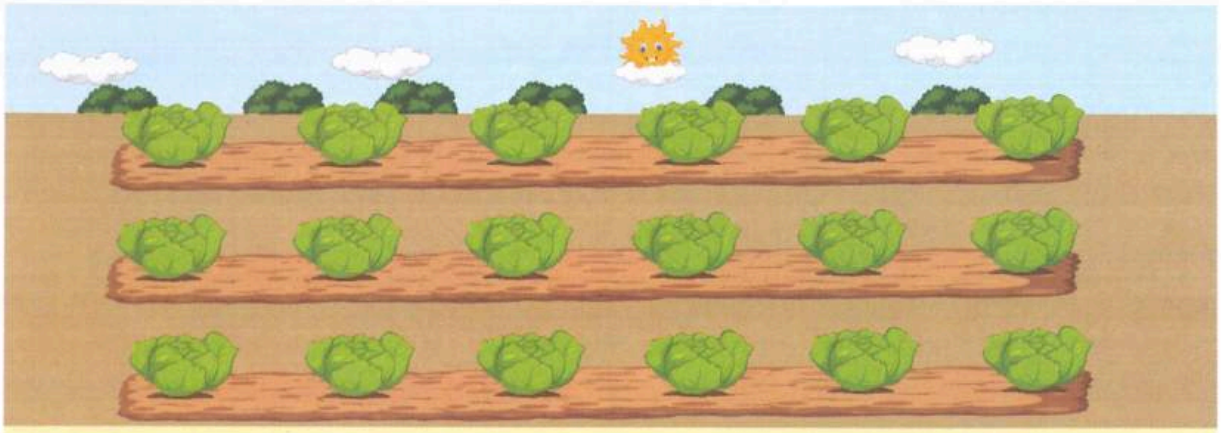

$\frac{1}{2}$ số cây bắp cải là ☐ cây bắp cải.

$\frac{1}{6}$ số cây bắp cải là ☐ cây bắp cải.

Bài 6 Hưởng ứng phong trào "Tết trồng cây", khối lớp Ba trồng được 345 cây. Số cây khối lớp Hai trồng được bằng số cây khối lớp Ba trồng giảm đi 3 lần. Hỏi cả hai khối trồng được tất cả bao nhiêu cây? **(1 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 6

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép nhân **115 × 6** là: **(0,5 điểm)**

A. 121 **B.** 690 **C.** 109 **D.** 660

Câu 2 Số dư của phép chia **654 : 4** là: **(0,5 điểm)**

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 3 Hiệu là **125**, số trừ là **545**, số bị trừ là: **(0,5 điểm)**

A. 670 **B.** 420 **C.** 660 **D.** 470

Câu 4 Hình vuông có cạnh là 180 mm (*như hình vẽ bên*). Bán kính của hình tròn là: **(0,5 điểm)**

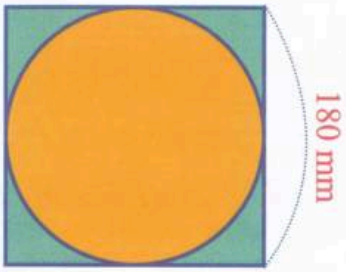

A. 90 mm

B. 360 mm

C. 180 mm

D. 240 mm

Câu 5 Vườn nhà Mai có 16 cây cam, số cây bưởi gấp 4 lần số cây cam. Vậy vườn nhà Mai có tất cả số cây cam và cây bưởi là: **(0,5 điểm)**

A. 20 cây **B.** 64 cây **C.** 80 cây **D.** 44 cây

Câu 6 Cô Hoa mang 125 kg dưa hấu ra chợ bán. Sau khi bán, khối lượng dưa hấu đã giảm đi 5 lần so với lúc ban đầu. Hỏi cô Hoa đã bán được bao nhiêu ki-lô-gam dưa hấu? **(0,5 điểm)**

A. 120 kg **B.** 30 kg

C. 25 kg **D.** 100 kg

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(2 điểm)**

312 × 3	141 × 5	464 : 4	746 : 6

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

96 : ☐ = 6

☐ − 219 = 652

☐ × 5 = 350

357 + ☐ = 407

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

(16 + 24) × 4 = ☐

270 : (9 : 3) = ☐

Bài 4 **(1 điểm)**

a. Tính độ dài đường gấp khúc ABCDEG. **(0,5 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc ABCDEG là:

☐ = ☐ (mm)

Đáp số: ☐ mm.

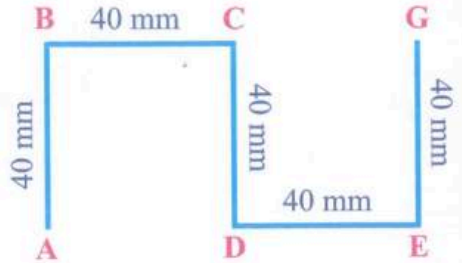

b. Đường gấp khúc ABCDEG dài bao nhiêu đề-xi-mét? **(0,5 điểm)**

Trả lời: Đường gấp khúc ABCDEG dài ☐☐ dm.

Bài 5 Hãy khoanh tròn vào $\frac{1}{4}$ số quả có trong mỗi hình. **(1 điểm)**

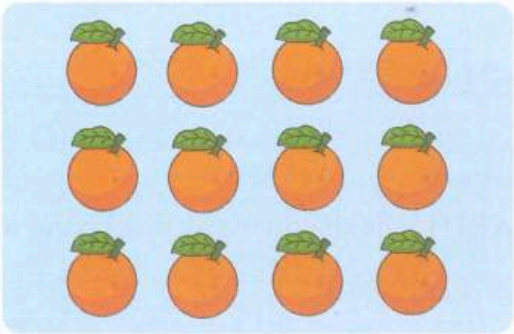

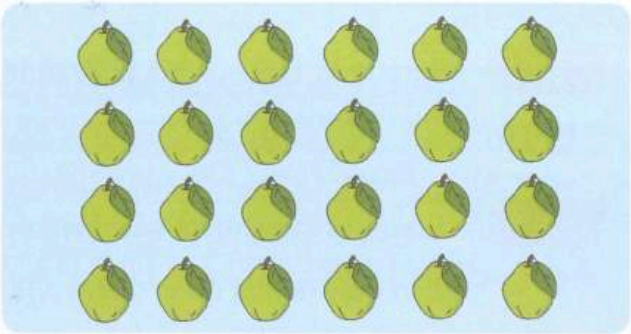

Bài 6 Chị Hà có đặt mua của cửa hàng 15 chiếc bánh trung thu. Vì nhầm lẫn nên cửa hàng đã giao cho chị số bánh gấp 3 lần số bánh chị đặt mua. Hỏi cửa hàng đã giao thừa cho chị Hà bao nhiêu chiếc bánh trung thu? **(1 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 7

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số **651** gấp số **3** số lần là: **(0,5 điểm)**

A. 648 lần B. 653 lần C. 217 lần D. 127 lần

Câu 2 Thương là **115**, số chia là **5**, số bị chia là: **(0,5 điểm)**

A. 110 B. 23 C. 120 D. 575

Câu 3 Điểm **I** là trung điểm của đoạn thẳng **AB**. Hỏi độ dài đoạn thẳng **AI** bằng một phần mấy độ dài đoạn thẳng **AB**? **(0,5 điểm)**

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 4 Buổi sáng cửa hàng bán được 125 kg rau, buổi chiều bán được gấp đôi buổi sáng. Vậy cả hai buổi cửa hàng bán được: **(0,5 điểm)**

A. 127 kg rau B. 250 kg rau C. 123 kg rau D. 375 kg rau

Câu 5 Dấu thích hợp điền vào chỗ trống để biểu thức bên có giá trị bé nhất là: **(0,5 điểm)**

8 − (8 ? 8)

A. + B. − C. × D. :

Câu 6 Hai quả dưa có cân nặng bằng nhau được đựng trong một chiếc rổ. Cân nặng của cả rổ dưa là 1 kg. Nếu lấy ra một quả dưa thì rổ dưa cân nặng 600 g. Cân nặng của chiếc rổ là: **(0,5 điểm)**

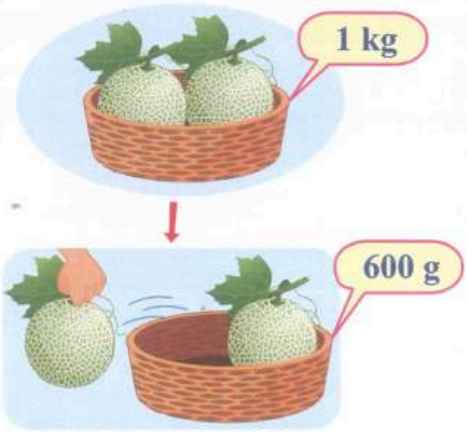

A. 100 g B. 200 g

C. 300 g D. 400 g

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

219 × 3	815 : 5

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

☐ : 6 = 27

☐ + 123 = 342

☐ × 3 = 252

752 − ☐ = 608

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

(252 − 42) : 7 = ☐

36 : 3 × 2 = ☐

Bài 4 Đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCD. **(1 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

☐ ◯ ☐ = ☐ (mm)

Đáp số: ☐ mm.

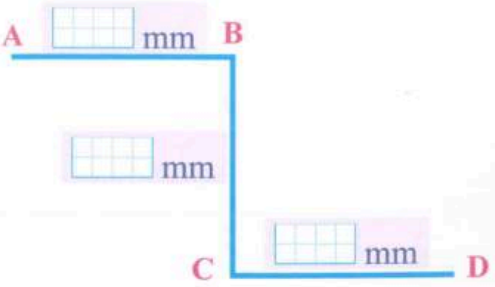

Bài 5 Hãy khoanh tròn vào $\frac{1}{3}$ số quả có trong mỗi hình. **(1 điểm)**

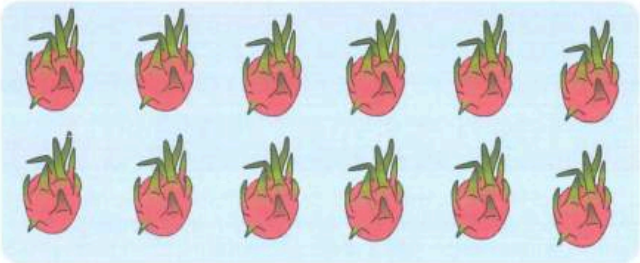

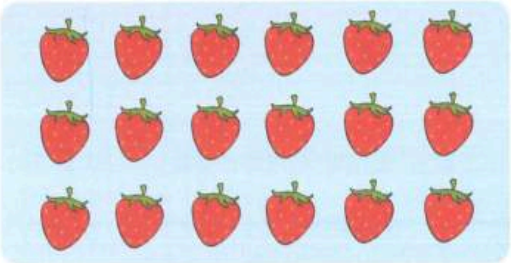

Bài 6 Nhà Hiền có 9 con dê, số gà nhiều hơn số dê là 243 con. Hỏi số gà nhà Hiền có gấp mấy lần số dê? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 7 Viết biểu thức thích hợp để tính cân nặng của mỗi quả na (*như bức tranh*), biết các quả na có cân nặng bằng nhau. **(1 điểm)**

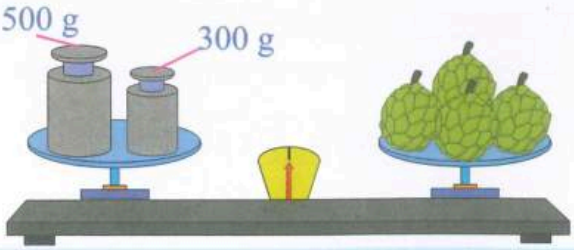

Mỗi quả na cân nặng là:

= (g)

Đáp số: g.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 8

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của **205** và **4** là: **(0,5 điểm)**

A. 820 **B.** 209 **C.** 201 **D.** 800

Câu 2 Số dư của phép chia **262 : 5** là: **(0,5 điểm)**

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 3 Hình đã được tô màu $\frac{1}{3}$ hình là: **(0,5 điểm)**

A. 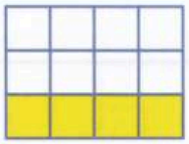

B. 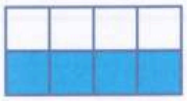

C.

D.

Câu 4 Nhà Hoa có 98 con lợn. Nhà Mai ít hơn nhà Hoa 91 con lợn. Vậy số lợn của nhà Hoa gấp số lợn của nhà Mai số lần là: **(0,5 điểm)**

A. 8 lần **B.** 9 lần **C.** 12 lần **D.** 14 lần

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 480 **B.** 80

C. 640 **D.** 10

$$\boxed{?} : (\boxed{15} - \boxed{7}) = \boxed{16} \times \boxed{5}$$

Câu 6 6 chiếc bánh có dạng hình tròn bán kính 35 mm được đựng trong một chiếc hộp có dạng hình chữ nhật (*như bức tranh*). Chiều dài và chiều rộng của chiếc hộp lần lượt là: **(0,5 điểm)**

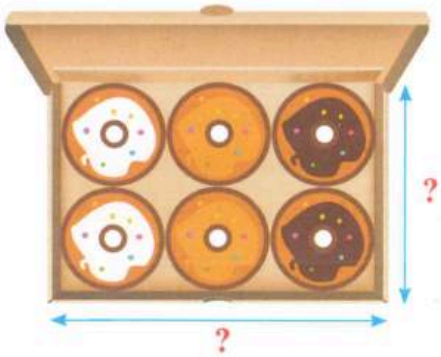

A. 21 cm và 14 cm **B.** 105 mm và 70 mm

C. 95 mm; 60 cm **D.** 21 mm; 14 mm

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

346 × 2	756 : 6

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

5 × ☐ = 545

☐ − 479 = 315

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

400 : 4 × 2 = ☐

(115 − 25) : 5 = ☐

Bài 4 Tính quãng đường Kiến cần đi để về đến tổ kiến. **(1 điểm)**

Để về đến tổ kiến, Kiến cần đi quãng đường là:

☐ = ☐ (mm)

Đáp số: ☐ mm.

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

$\frac{1}{3}$ số quả cà chua là ☐ quả cà chua.

$\frac{1}{4}$ số quả cà chua là ☐ quả cà chua.

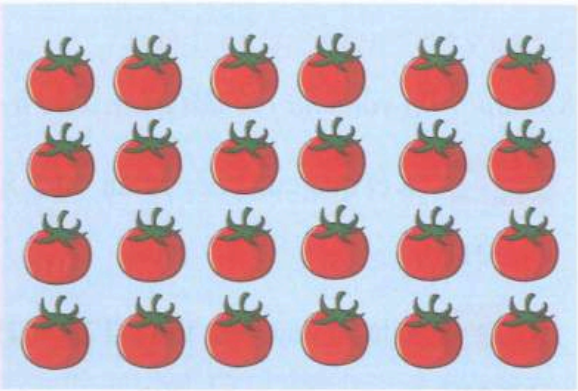

Bài 6 Một thùng đựng 135 *l* nước mắm, người ta lấy ra số lít nước mắm bằng số lít nước mắm ban đầu giảm đi 3 lần. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước mắm? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 7 Tính bằng cách thuận tiện nhất. **(1 điểm)**

21 + 22 + 23 + 24 + 26 + 27 + 28 + 29

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 9

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép nhân **215 × 4** là: **(0,5 điểm)**

A. 211 **B.** 860 **C.** 219 **D.** 840

Câu 2 Giá trị của biểu thức **175 − 25 × 6** là: **(0,5 điểm)**

A. 25 **B.** 900 **C.** 600 **D.** 35

Câu 3 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

A. 3 góc vuông **B.** 4 góc vuông

C. 5 góc vuông **D.** 6 góc vuông

Câu 4 Nhà Hồng có 28 cây cam, nhà Hoa có số cây cam gấp 3 lần số cây cam nhà Hồng có. Vậy số cây cam cả hai nhà Hồng và Hoa có là: **(0,5 điểm)**

A. 64 cây cam **B.** 102 cây cam **C.** 84 cây cam **D.** 112 cây cam

Câu 5 Trong các phép chia với số chia là 5, số dư lớn nhất của các phép chia đó là: **(0,5 điểm)**

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 6 Mẹ An mua 6 quả cam có cân nặng *như bức tranh*. Cô bán hàng nói các quả cam cân nặng như nhau. Vậy mỗi quả cam cân nặng là: **(0,5 điểm)**

A. 150 g

B. 160 g

C. 170 g

D. 180 g

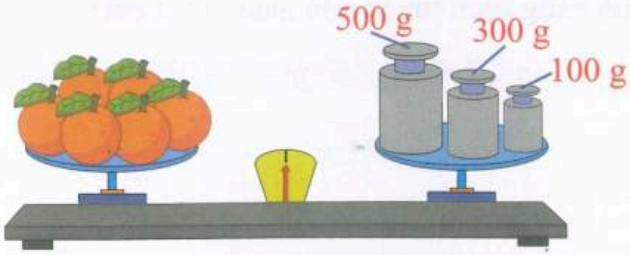

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

128 × 3	115 × 5	963 : 8	495 : 9

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

6 × ☐ = 78

☐ − 342 = 560

☐ : 5 = 56

782 − ☐ = 191

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

864 : (16 − 8) = ☐

65 + 34 × 5 = ☐

Bài 4 Mỗi buổi chiều An đều chạy bộ một vòng quanh hồ sen. Viết biểu thức thích hợp tính quãng đường An chạy bộ mỗi buổi chiều. **(1 điểm)**

Quãng đường An chạy bộ mỗi buổi chiều là:

(☐ + ☐) × ☐ = ☐ (m)

Đáp số: ☐ m.

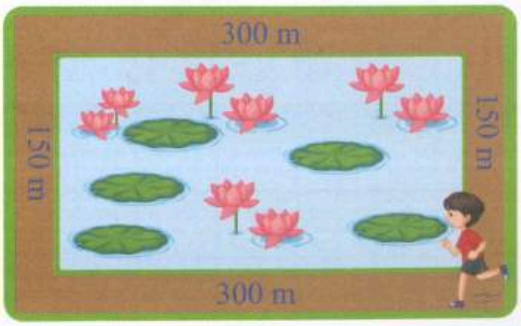

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

$\frac{1}{2}$ số quả chôm chôm là ☐ quả chôm chôm.

$\frac{1}{5}$ số quả chôm chôm là ☐ quả chôm chôm.

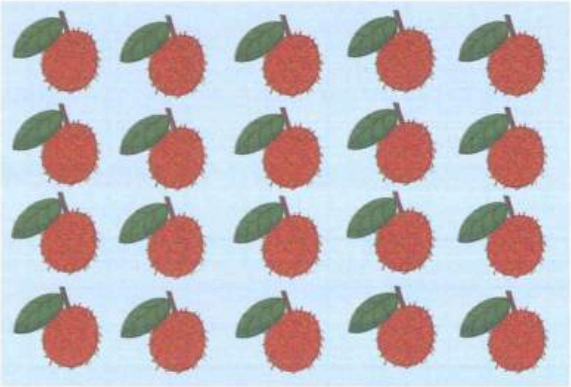

Bài 6 Đội xe đạp thồ của bác Thắng gồm 10 xe đang chở lương thực tiếp tế cho bộ đội ở Điện Biên Phủ. Xe đạp thồ của bác Thắng chở 352 kg lương thực, 9 xe đạp thồ còn lại mỗi xe chở 70 kg lương thực. Hỏi đội xe đạp thồ của bác Thắng chở được bao nhiêu ki-lô-gam lương thực? **(2 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 10

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép nhân **271 × 3** là: **(0,5 điểm)**

A. 268 B. 274 C. 613 D. 813

Câu 2 Số dư của phép **622 : 6** chia là: **(0,5 điểm)**

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 3 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 112 − 40 : 8 B. 560 : (15 − 8) C. 120 : 4 × 2 D. 26 × 6 − 47

Câu 4 Tổng độ dài bốn cạnh của một hình vuông là 124 mm. Độ dài mỗi cạnh của hình vuông đó là: **(0,5 điểm)**

A. 31 mm B. 42 mm C. 28 mm D. 26 mm

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

108 + **14** × **3** = **?** : **6**

A. 61 B. 25

C. 900 D. 840

Câu 6 Một hộp bánh trung thu gồm 4 chiếc bánh trung thu và vỏ hộp cân nặng 1 kg. Các chiếc bánh cân nặng bằng nhau, vỏ hộp cân nặng 140 g. Vậy mỗi chiếc bánh cân nặng là: **(0,5 điểm)**

A. 28 g B. 215 g

C. 250 g D. 125 g

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

324 × 2	918 : 9

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

6 × ☐ = 84

☐ − 56 = 362

☐ : 7 = 131

890 − ☐ = 256

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

285 − (90 − 12) = ☐

492 − 174 × 2 = ☐

Bài 4 Điền vào chỗ trống. **(1 điểm)**

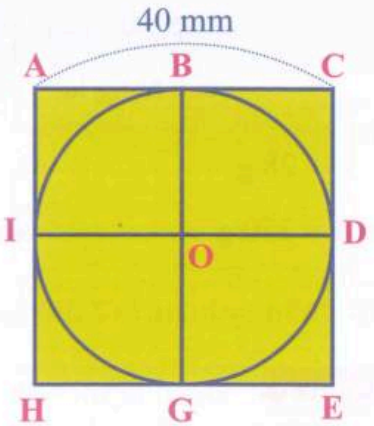

a. Hình vẽ bên có ☐ góc vuông đỉnh B.

b. Điểm ☐ là trung điểm của đoạn thẳng CE.

c. Hình tròn tâm O có bán kính là ☐ mm.

d. Độ dài của đường gấp khúc ABOD là: ☐ mm.

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

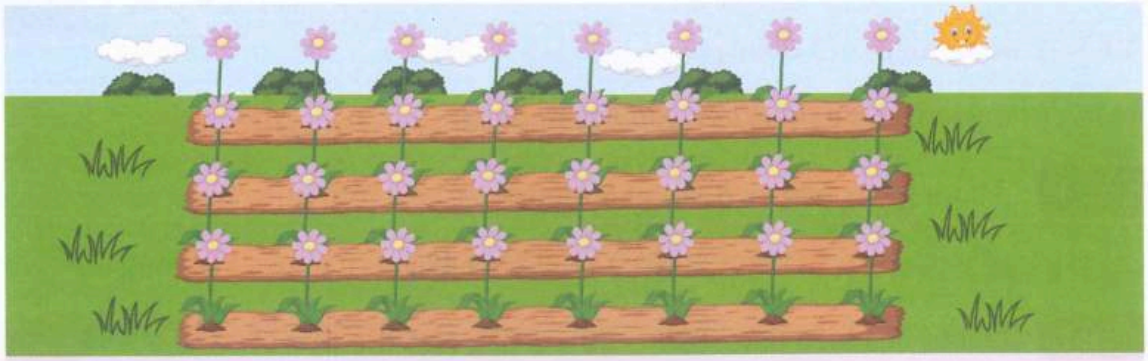

$\frac{1}{2}$ số bông hoa là ☐ bông hoa. $\frac{1}{8}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

Bài 6 **> ; < ; =** ? **(1 điểm)**

1 kg ☐ 240 g × 4

50 + 80 : 2 ☐ 60

1 *l* ☐ 800 ml − 200 ml + 400 ml

880 : 4 × 2 ☐ 450

Bài 7 Bác thợ làm bánh xếp 720 cái bánh vào các hộp, mỗi hộp 6 cái. Sau đó xếp các hộp vào các thùng, mỗi thùng 5 hộp. Hỏi bác thợ làm bánh xếp được bao nhiêu thùng bánh? **(1 điểm)**

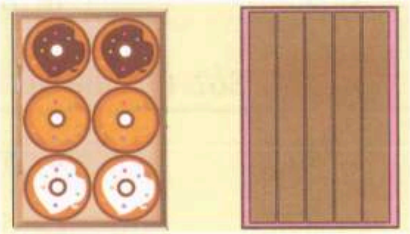

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 11

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Thương của **656** và **8** là: **(0,5 điểm)**

A. 81 **B.** 82 **C.** 648 **D.** 662

Câu 2 Giá trị của biểu thức **820 − 40 : 5** là: **(0,5 điểm)**

A. 812 **B.** 156 **C.** 176 **D.** 822

Câu 3 Hình đã được tô màu $\frac{1}{6}$ hình là: **(0,5 điểm)**

A. 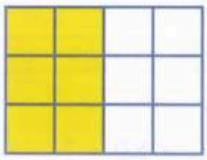
B. 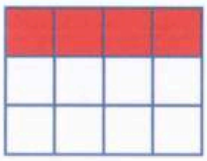
C. 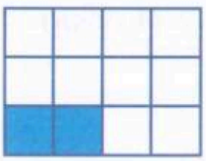
D. 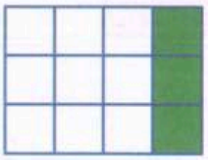

Câu 4 Trong các phép chia với số chia là 8, số dư lớn nhất của các phép chia đó là: **(0,5 điểm)**

A. 5 **B.** 6 **C.** 7 **D.** 8

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 40 **B.** 390

C. 370 **D.** 50

$$(400 - ?) : 6 = 12 \times 5$$

Câu 6 An và Bình câu được tất cả 1 kg cá rô. Thấy Bình câu được ít cá hơn nên An đã cho Bình 200 g cá. Khi đó, khối lượng cá rô hai bạn câu được bằng nhau. Khối lượng cá rô An câu được lúc đầu là: **(0,5 điểm)**

A. 400 g **B.** 500 g **C.** 600 g **D.** 700 g

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đ; S ? **(1 điểm)**

a. 1 dm = 10 mm

b. Giảm 651 đi 3 lần được 217.

c. 1 *l* > 130 ml × 7

d. Tích của 1 và bất kì số nào cũng là 1.

Bài 2 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

112 × 8

972 : 3

Bài 3 Số? **(1 điểm)**

5 × ☐ = 90

☐ − 316 = 206

☐ : 5 = 110

165 + ☐ = 428

Bài 4 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

852 : (6 − 3) =

175 − 20 × 4 =

Bài 5 Viết biểu thức thích hợp để tính độ dài đường gấp khúc ABCDE. **(1 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

☐ ○ ☐ ○ ☐ = ☐ (mm)

Đáp số: ☐ mm.

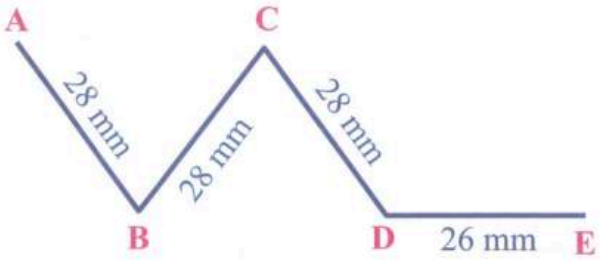

Bài 6 Xe máy chở được 120 kg gạo. Xe tải chở được khối lượng gạo gấp 7 lần xe máy. Hỏi cả hai xe chở được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 7 Tính bằng cách thuận tiện nhất. **(1 điểm)**

60 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8

2 × 3 × 4 × 5

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 12

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép nhân **325 × 3** là: **(0,5 điểm)**

A. 328 **B.** 975 **C.** 323 **D.** 108

Câu 2 Số dư của phép chia **826 : 8** là: **(0,5 điểm)**

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 3 Hình vẽ bên có: **(0,5 điểm)**

A. 2 góc vuông và 8 góc không vuông

B. 3 góc vuông và 5 góc không vuông

C. 3 góc vuông và 6 góc không vuông

D. 2 góc vuông và 7 góc không vuông

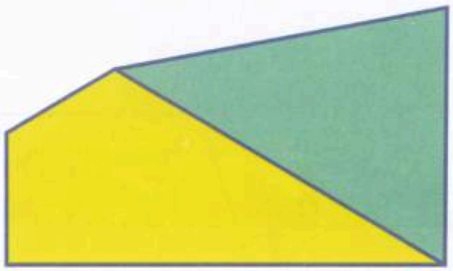

Câu 4 Mai có 6 cái bút chì, Hoa có nhiều hơn Mai 24 cái bút chì. Vậy số bút chì của Hoa gấp số bút chì của Mai số lần là: **(0,5 điểm)**

A. 3 lần **B.** 4 lần **C.** 5 lần **D.** 6 lần

Câu 5 Giá trị của biểu thức **40 + 13 × 6 : 3** là: **(0,5 điểm)**

A. 106 **B.** 66 **C.** 212 **D.** 51

Câu 6 Vườn nhà An có 24 củ cải (*như bức tranh*), mẹ An đã thu hoạch $\frac{1}{3}$ số củ cải đó. Số củ cải còn lại trong vườn nhà An là: **(0,5 điểm)**

A. 8 củ cải

B. 12 củ cải

C. 16 củ cải

D. 20 củ cải

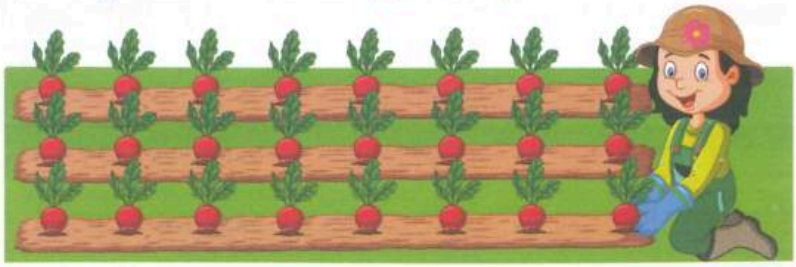

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

121 × 7	816 : 6

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

□ : 3 = 25

□ − 111 = 290

□ × 6 = 840

540 − □ = 228

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

(91 − 56) : 7 = □

= □

24 : 8 × 4 = □

= □

Bài 4 Đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCD. **(1 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

□ ○ □ ○ □ = □ (mm)

Đáp số: □ mm.

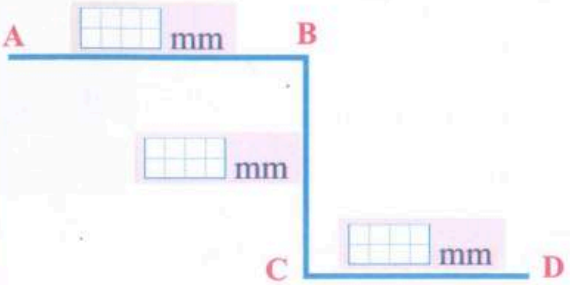

Bài 5 > ; < ; = ? **(1 điểm)**

770 mm : 5 ☐ 2 dm

100 − 75 : 3 ☐ 75

1 *l* ☐ 750 ml − 270 ml + 420 ml

340 : 4 ☐ 46 × 2

Bài 6 Hãy khoanh tròn vào $\frac{1}{4}$ số bánh có trong mỗi hình. **(1 điểm)**

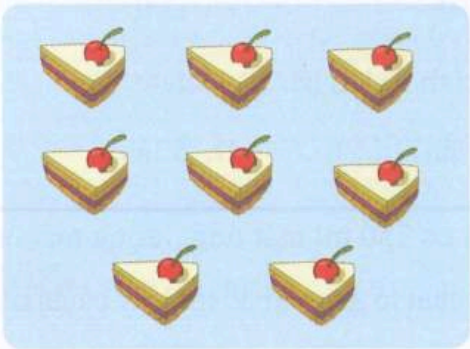

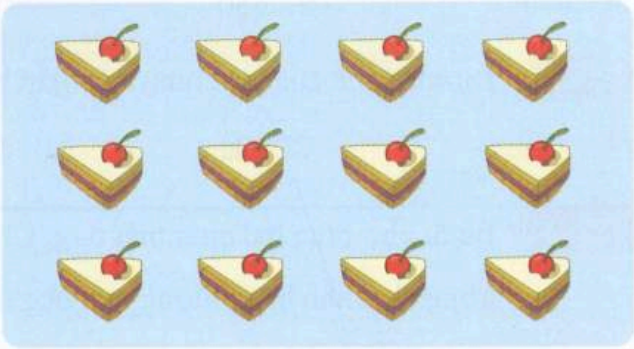

Bài 7 Mẹ Hà làm 60 chiếc bánh mang ra chợ bán và bán được 48 chiếc. Mẹ chia đều số bánh còn lại cho 3 chị em Hà. Hỏi mỗi người nhận được mấy chiếc bánh? **(1 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 13

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép chia **525 : 3** là: **(0,5 điểm)**

A. 175 **B.** 522 **C.** 155 **D.** 165

Câu 2 Giá trị của biểu thức **450 − 125 × 2** là: **(0,5 điểm)**

A. 670 **B.** 650 **C.** 210 **D.** 200

Câu 3 Đường kính của một hình tròn gấp bán kính số lần là: **(0,5 điểm)**

A. 2 lần **B.** 3 lần **C.** 4 lần **D.** 5 lần

Câu 4 Bà đi chợ mua hai chai mật ong. Chai to có 750 ml mật ong, lượng mật ong trong chai nhỏ bằng lượng mật ong trong chai to giảm đi 3 lần. Vậy bà đã mua tất cả là: **(0,5 điểm)**

A. 900 ml mật ong **B.** 600 ml mật ong **C.** 1 *l* mật ong **D.** 850 ml mật ong

Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

A. 12 **B.** 224

C. 96 **D.** 28

? − **8** × **8** = **800** : **5**

Câu 6 Nhà An có 18 cây bắp cải (*như bức tranh*). Mẹ An dự định bán một số cây bắp cải và chỉ giữ lại $\frac{1}{3}$ số bắp cải đó. Số bắp cải mẹ dự định bán là: **(0,5 điểm)**

A. 3 cây bắp cải

B. 6 cây bắp cải

C. 9 cây bắp cải

D. 12 cây bắp cải

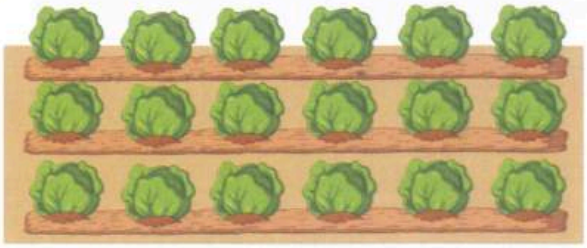

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(2 điểm)**

109 × 6	325 × 3	875 : 5	652 : 4

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

24 : ☐ = 72 : 9

☐ − 125 = 518

☐ × 8 = 400

356 + ☐ = 729

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

(495 − 27) : 9 = ☐

= ☐

280 : 5 × 3 = ☐

= ☐

Bài 4 Viết biểu thức thích hợp để: **(1 điểm)**

a. Tính độ dài đường gấp khúc ABCD. **(0,5 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

☐ ○ ☐ ○ ☐ = ☐ (mm)

Đáp số: ☐ mm.

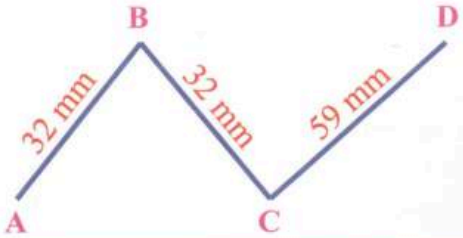

b. Tính cân nặng của quả dứa. **(0,5 điểm)**

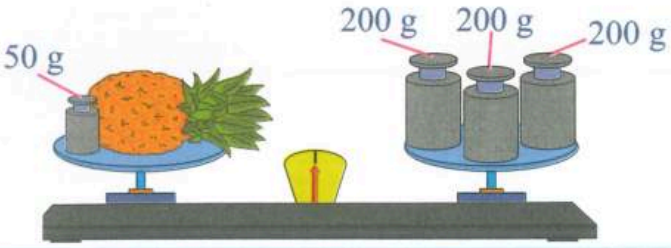

Quả dứa cân nặng là:

☐ ○ ☐ ○ ☐ = ☐ (g)

Đáp số: ☐ g.

Bài 5 Vụ mùa này anh Sơn thu hoạch được 225 kg khoai tây. Sau khi bán đi 50 kg, anh chia đều số khoai tây còn lại vào 5 bao để tiện bảo quản. Hỏi mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam khoai tây? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 6 Chọn dấu " +, −, ×, : " thích hợp điền vào chỗ trống. **(1 điểm)**

8 ☐ 8 ☐ 8 = 8

80 ☐ 5 ☐ 2 = 32

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 14

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép nhân **182 × 4** là: **(0,5 điểm)**

A. 728 **B.** 428 **C.** 186 **D.** 178

Câu 2 Kết quả của phép chia **846 : 3** là: **(0,5 điểm)**

A. 212 **B.** 282 **C.** 204 **D.** 124

Câu 3 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 3 × (125 : 5) **B.** 108 : 6 + 52 **C.** (120 − 50) × 2 **D.** 175 − 20 × 7

Câu 4 Hình vẽ bên có: **(0,5 điểm)**

A. 6 hình vuông

B. 7 hình vuông

C. 8 hình vuông

D. 9 hình vuông

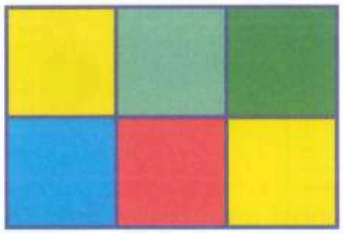

Câu 5 Hôm qua cửa hàng nhà My bán được 45 *l* nước mắm. Hôm nay số nước mắm cửa hàng bán được gấp 3 lần so với hôm qua. Vậy hôm nay cửa hàng nhà My bán được số lít nước mắm là: **(0,5 điểm)**

A. 15 *l* **B.** 48 *l* **C.** 125 *l* **D.** 135 *l*

Câu 6 Một bộ quần áo cần ít nhất 5 m vải. Mẹ Mai vừa nhập về cửa hàng 73 m vải. Hỏi với số vải đó, mẹ Mai có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo? **(0,5 điểm)**

A. 12 bộ quần áo **B.** 13 bộ quần áo **C.** 14 bộ quần áo **D.** 15 bộ quần áo

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 **Đ; S** ? **(1 điểm)**

a. 1 m = 100 mm

b. 116 : 8 = 14 (dư 4)

c. Hình bên có 2 góc không vuông.

d. Điểm D là trung điểm của đoạn thẳng EC.

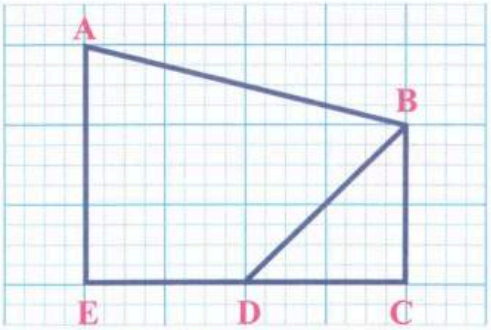

Bài 2 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

352 × 2

945 : 7

Bài 3 Số? **(1 điểm)**

6 × ☐ = 690

☐ − 138 = 571

Bài 4 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

800 : (8 − 3) =

375 − 45 × 2 =

Bài 5 Viết biểu thức thích hợp để tính độ dài đường gấp khúc ABCDE. **(1 điểm)**

Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

☐ ○ ☐ ○ ☐ = ☐ (mm)

Đáp số: ☐ mm.

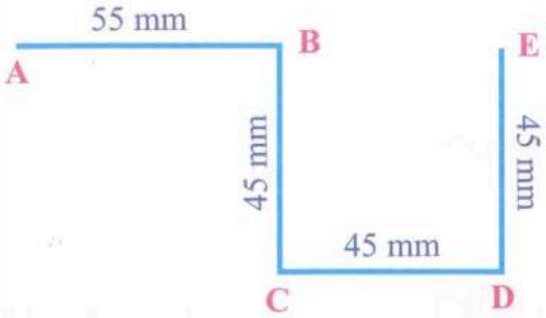

Bài 6 Hãy khoanh tròn vào $\frac{1}{5}$ số quả có trong mỗi hình. **(1 điểm)**

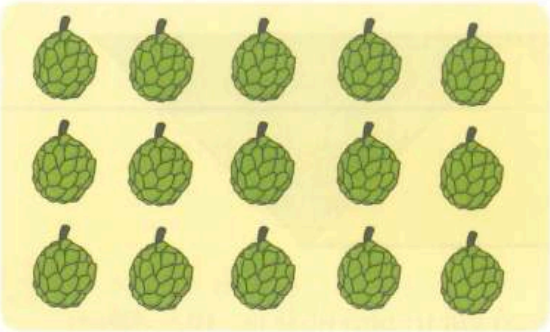

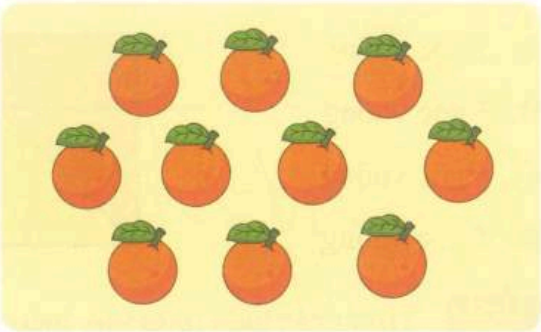

Bài 7 Mẹ An ngâm 125 g nấm hương khô vào trong nước. Sau khi ngâm nước, số nấm hương đó cân nặng gấp 3 lần so với lúc đầu. Hỏi sau khi ngâm nước lượng nấm hương đó tăng thêm bao nhiêu gam? **(1 điểm)**

Bài giải

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 15

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép nhân **215 × 4** là: **(0,5 điểm)**

A. 860 **B.** 840 **C.** 219 **D.** 211

Câu 2 Phép chia có số dư bằng **7** là: **(0,5 điểm)**

A. 345 : 6 **B.** 118 : 7 **C.** 407 : 8 **D.** 662 : 9

Câu 3 Hình vẽ bên có: **(0,5 điểm)**

A. 2 góc vuông

B. 3 góc vuông

C. 4 góc vuông

D. 5 góc vuông

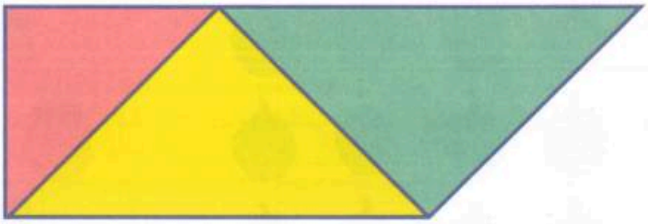

Câu 4 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị nhỏ nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 7 × (25 : 5) **B.** 132 : 6 + 28 **C.** (25 + 5) × 2 **D.** 122 − 15 × 6

Câu 5 Xe ô tô to chở được 45 người, xe ô tô nhỏ chở được ít hơn xe ô tô to 40 người. Vậy số người xe ô tô to chở được gấp số người xe ô tô nhỏ chở được số lần là: **(0,5 điểm)**

A. 5 lần **B.** 7 lần **C.** 8 lần **D.** 9 lần

Câu 6 Để hái những quả bưởi trên cao, Bình nối hai cây gậy với nhau. Một cây gậy dài 240 cm, cây còn lại dài 185 cm. Đoạn nối giữa hai cây gậy dài 25 cm. Vậy chiều dài của hai cây gậy nối với nhau là: **(0,5 điểm)**

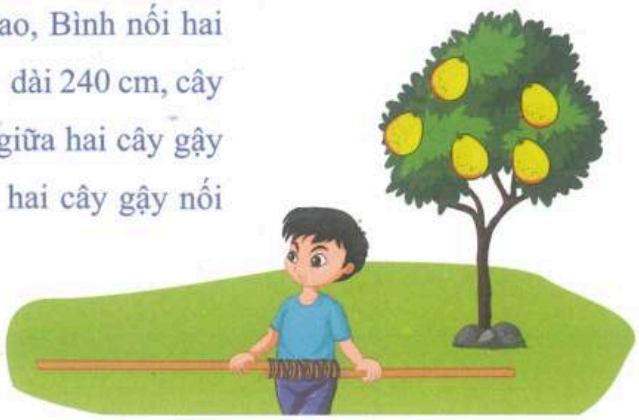

A. 425 cm **B.** 270 cm

C. 45 dm **D.** 4 m

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(1 điểm)**

127 × 3

985 : 5

Bài 2 Số? **(1 điểm)**

7 × ☐ = 847

☐ − 255 = 125

Bài 3 Tính giá trị của biểu thức. **(1 điểm)**

70 + 30 : 2 = ☐

= ☐

(45 + 25) × 7 = ☐

= ☐

Bài 4 Tính quãng đường Ốc Sên cần đi để về đến nhà. **(1 điểm)**

Để về đến nhà, Ốc Sên cần đi quãng đường là:

☐ ◯ ☐ ◯ ☐ = ☐ (mm)

Đáp số: ☐ mm.

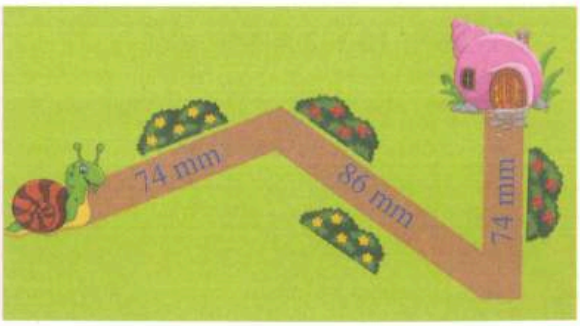

Bài 5 Số? **(1 điểm)**

$\frac{1}{3}$ số quả dứa là ☐ quả dứa.

$\frac{1}{7}$ số quả dứa là ☐ quả dứa.

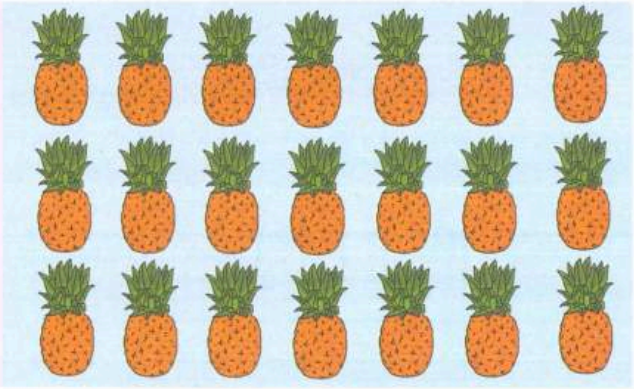

Bài 6 Trước đây nhà Mai có rất nhiều lợn nhưng hiện tại chỉ còn lại 45 con lợn trong chuồng. Bố Mai đã bán đi số lợn gấp 3 lần số lợn còn lại trong chuồng. Hỏi trước đây nhà Mai có bao nhiêu con lợn? **(1 điểm)**

Bài giải

Bài 7 Viết lại các biểu thức dưới đây sau khi đã đặt dấu ngoặc ( ) để các biểu thức đó có giá trị đúng. **(1 điểm)**

$5 \times 16 - 10 : 2 = 15$

$48 + 24 : 2 \times 4 = 9$

Mục lục

3 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 1

6 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 2

9 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 3

12 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 4

15 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 5

18 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 1

21 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 2

24 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 3

27 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 4

30 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 5

33 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 6

36 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 7

39 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 8

42 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 9

45 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 10

48 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 11

51 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 12

54 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 13

57 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 14

60 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 15

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 4, Tống Duy Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3825.2916 Website: www.nxbhanoi.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập: **Vũ Văn Việt**

Biên tập: **Đặng Thị Tình**

Thiết kế bìa & trình bày: **Nguyễn Văn Quân**

ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 3

HỌC KÌ 1

ISBN: 978-604-55-6827-9

Đối tác liên kết xuất bản:

Công ty cổ phần sách Qbooks

Địa chỉ: Số 190, ngõ 192, Lê Trọng Tấn, P. Định Công,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Một số hình ảnh minh hoạ được sưu tầm từ sách, báo và các nguồn tài liệu tham khảo khác.

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Qbooks.

In 10.000 cuốn, khổ 19 x 26,5cm Tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vietmax
Địa chỉ: Lô D10-11, Cụm sản xuất làng nghề tập trung, Thanh Trì, Hà Nội
Số xác nhận XB: 781 - 2023/CXBIPH/94 - 52/HN
Theo QĐXB số: 1542/QĐ-HN cấp ngày 05/6/2023
In xong và nộp lưu chiểu năm 2023